

八王子市公告第 541 号

下記の書類は、送達を受けるべき者の住所、居所、事務所及び事業所が不明なため、地方税法（昭和25年法律第226号）第20条の2の規定により公示送達とする。

なお、書類は保管中につき、送達を受けるべき者には、いつでもこれを交付する。

令和8年10月9日

八王子市長 初 宿 和 夫

記

1. 交付場所

市役所収納課窓口

2. 送達を受けるべき者

別紙のとおり

(問合せ先)

財務部収納課

公示送達一覧

No.	氏名又は名称	通知書番号
1	NGUYEN VAN THANH	18195968
2	VI THIEN DINH	18129051
3	NGUYEN HUY HOANG	18153271
4	萩原 悟喜	10922585
5	平田 龍也	18211416
6	須崎 義夫	11418619
7	岡田 ひかる	18233932
8	ALABADO ELEAZAR ANTONIANO	15730471
9	OMELIANENKO VIKTORIIA	15679620
10	GOZON JAFEBEL BONAJO	18311402
11	PHUANGKAEW CHIRAPAT	18153009
12	LEECHAROENSUK NON	18327384
13	NGUYEN THI YEN	14810498
14	PHAM VAN DUC	15042486
15	HA MINH HUNG	15114070
16	NGUYEN QUANG HA	14808949
17	TRAN VAN HUU	15108177
18	NGUYEN THI KIM CHI	15578823
19	LE VAN SAU	15292903

20	MKHUNGO AMANDA	18241226
21	NGUYEN VAN HUNG	13472807
22	ONA MONCARLO MANINANG	18158345
23	LE THI THAM	15339209
24	ONG THE PHUONG	15296895
25	PHAM THI LUONG	15401699
26	TRINH THU HANG	15541261
27	NGUYEN VAN TU	15600781
28	TRAN THI MY LINH	15594128
29	VO TAN CUONG	15699132
30	NGUYEN THI KIM HIEN	18106027
31	DEVI SANJNA	14861637
32	I GEDE YUDI MAHENDRA	15700009
33	YAO PENGKUN	18298490
34	NGUYEN QUANG DIEN	18243237
35	BUI ANH TUNG	18243229
36	LO VAN TRUNG	18205238
37	NGUYEN TAN PHAT	18205483
38	DINH CONG HIEP	18152924
39	ZHU YICHUN	18151251

40	NGUYEN DANG VU	15199636
41	HOANG THI MAI LY	18108721
42	DUONG THI LUYEN	18099616
43	LE THI SEN	18099314
44	NGUYEN THI THUAN	15724285
45	NGUYEN VAN HIEU	15787457
46	NGUYEN CHI CONG	15786604
47	NGUYEN PHAN DUY DIEP	18009552
48	TRAN THI THUY TRANG	18064308
49	PHAM QUANG VIET	18213371
50	NGUYEN HOANG HIEP	18239507
51	HOANG THI THUONG	18221039
52	VUONG QUOC ANH	18270498
53	NGUYEN VAN HUNG	18269741
54	NGUYEN DUY NAM	18282810
55	TRAN LE NGOC BAO YEN	18374366
56	PHAM THI THOA	18120721
57	HOANG THI THUONG	18111209
58	NGUYEN VIET HA	18134977
59	NGUYEN HOAI NAM	18134055

60	PHAN THI LINH	18198932
61	NGUYEN DINH HUY	18185652
62	LANH DUC THANH	18220113
63	TA QUANG HIEU	15724200
64	PHAM PHUOC LOI	15721782
65	DUONG VAN BAC	15769793
66	JIN LIN	18504421
67	DO THUY HOA	14855688
68	HISAM FIRMAN SYAH	14999434
69	USTARES MAY ANNE ANABIEZA	15678437
70	KAPEMBEZA RUNYARARO LINDA	15678763
71	NGUYEN NHU QUYNH	18374358
72	謝 操	14734481
73	SALAZAR CARRANZA DE WATANABE GISSEL A SUE	15751975